

Bản án: 76/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2019

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.
2. Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Huỳnh Đ, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã Tân Tr, huyện Cần Đ, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Hà L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 129E/2, khu phố 5, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Anh Đ có mặt; Chị L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/01/2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh Đ trình bày: Anh Nguyễn Huỳnh Đ và chị Hồ Thị Hà L chung sống với nhau với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 1993 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp nên ly thân từ năm 1999 cho đến nay. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ý Nhi, sinh ngày 01/3/1994. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Hồ Thị Hà L, đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng chị L không đến Tòa án nhân dân huyện Đ Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của chị L về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn chị Hồ Thị Hà L có hộ khẩu thường trú tại số 129E/2, khu phố 5, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Bị đơn chị Hồ Thị Hà L vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[1.3] Tại phiên Tòa ngày hôm nay, anh Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện “Về tài sản chung: Không có”. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh Đ tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huỳnh Đ và chị Hồ Thị Hà L chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy con chung tên Nguyễn Ngọc Ý Nhi, sinh ngày 01/3/1994 nên có căn cứ xác định anh Đ và chị L sống với nhau năm 1993 tức là sau ngày 03/01/1987 (ngày luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực) nên quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị L không được xem là hôn nhân hợp pháp vì đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ và chị L chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên anh Đ và chị L đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Đ tha thiết xin được ly hôn với chị L. Ngược lại, chị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa anh Đ và chị L đã đến mức trầm

trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, anh Đ yêu cầu được xin ly hôn với chị L là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Đ khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ý Nhi, sinh ngày 01/3/1994. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đ khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ngược lại, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Anh Đ khai, vợ chồng chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ngược lại, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Huỳnh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp

Căn cứ vào điểm b mục 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội

Căn cứ vào Điều 56, Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh Đ xin ly hôn với chị Hồ Thị Hà L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Huỳnh Đ với chị Hồ Thị Hà L là vợ chồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Huỳnh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số 3898 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Hoà sang án phí để thi hành. Anh Đ đã thi hành xong.

Án này là sơ thẩm, anh Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp